**Đời sống văn hóa người Mông ở Nghệ An**

**Thu Vân**

Ở Việt Nam, người Mông cư trú chủ yếu ở vùng Tây Bắc. Người Mông ở Nghệ An được coi là những dân cư có điểm cư trú xa nhất của họ trong quá trình di cư từ Bắc vào Nam. Tại vùng đất được coi là điểm cực Nam, người Mông thường được các dân tộc khác gọi là người *Mẹo* là cách phát âm nặng của địa phương từ tiếng *Mèo* mà thành. Từ sau khi đổi tiếng Mèo thành Mông đồng bào rất phấn khởi khi được gọi đúng tên của mình.

Người Mông ở Nghệ An có khoảng 29.000 người, chiếm 7% dân số dân tộc thiểu số toàn tỉnh và chiếm 3,6% người Mông trong cả nước. Theo các nhà nghiên cứu dân tộc học Việt Nam thì người Mông có nguồn gốc từ phía Nam Trung Quốc. Trước đây, họ là một bộ phận của dân tộc Dao ở Trung Quốc, cho đến thế kỷ VII-IX mới phát triển và tách ra thành một dân tộc độc lập. Qua những biến động của lịch sử Trung Quốc, để tránh chế độ phong kiến hà khắc và sự bóc lột tàn độc của bọn chúa đất, từ thời Thái Bình Thiên Quốc đến khi Trung Quốc giải phóng (1949), người Mông đã tổ chức nhiều đợt thiên di. Một bộ phận lớn người Mông di chuyển từ tỉnh Quý Châu (Trung Quốc) đến phía Tây Bắc Việt Nam và cư trú ổn định, lâu dài ở đây. Tuy nhiên, do lối sống du canh du cư nên một bộ phận người Mông lại tiếp tục di cư từ các tỉnh phía Tây Bắc sang Xiêng Khoảng (Lào), một bộ phận từ Sơn La sang Sầm Nưa (Lào). Và từ các tỉnh này của nước bạn Lào, người Mông lại di cư sang các tỉnh miền Tây Nghệ An, trong đó huyện Kỳ Sơn là huyện tập trung người Mông sớm nhất và đông nhất, cách đây khoảng 100 - 150 năm.

Người Mông thuộc nhóm ngôn ngữ Mông - Dao, với nhiều tên gọi khác nhau như: Mèo, Mẹo, Miếu Hạ, Mán trắng. Người Mông ở Nghệ An có hai ngành: Mông trắng và Mông đen, sự phân chia này không phải dựa vào màu da như một số tài liệu đã viết, mà chủ yếu dựa vào trang phục truyền thống của hai ngành này.

Do di cư đến Nghệ An muộn hơn những dân tộc khác nên địa bàn cư trú chủ yếu của dân tộc Mông là những vùng đồi núi cao, có độ dốc lớn; với đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Tập trung ở 3 huyện là: Kỳ Sơn, Tương Dương và Quế Phong, trong đó huyện tập trung đông nhất là Kỳ Sơn với hơn 25.000 người.

Điều kiện và hoàn cảnh sống đó đã tạo ra những thói quen, cách sống, thái độ và phương pháp ứng xử của người Mông đối với thiên nhiên và xã hội, với môi trường xung quanh, tạo nên những sắc thái văn hóa riêng của người Mông. Trong dòng chảy văn hóa của 54 dân tộc anh em, văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Mông đã tạo nên được những sắc thái riêng phong phú và đa dạng, bao gồm: Phương thức sản xuất, chế độ xã hội, văn hóa vật chất, phi vật chất, văn hóa dân gian,...

Kinh tế

Người Mông ở Nghệ An sinh sống hằng ngày chủ yếu bằng nghề nương rẫy. Có thể nói trình độ canh tác rẫy dốc của họ cao hơn nhiều so với các dân tộc khác cư trú trong vùng, nhất là những nương định canh. Trên loại nương này đồng bào trồng các loại hoa màu, cây thuốc chữa bệnh, cây lấy sợi dệt vải... Trước đây, khi chưa được khai hóa, người Mông trồng thuốc phiện khá nhiều, diện tích cây thuốc phiện được họ canh tác trong rừng sâu gây khó khăn cho việc phá bỏ của các cấp chính quyền. Ngày nay, do được tuyên truyền sâu rộng, nên người Mông đã bỏ dần tập quán này, chuyển đổi dần sang việc trồng rừng mang lại kinh tế cao. Chăn nuôi gia súc gia cầm khá phát triển đối với đồng bào Mông, mỗi gia đình nuôi hàng chục con gia cầm, gia súc các loại. Người Mông có tập quán chăn nuôi theo hình thức thả rông nên các loại gia súc như bò, trâu, ngựa, dê thông thường được họ thả trong rừng, thỉnh thoảng mới có người vào trông coi hoặc khi cần mới vào kiểm tra. Nhờ chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn của chính phủ, người Mông cũng đã và đang tiến tới mô hình kinh tế vườn ao chuồng (VAC) hoặc làm kinh tế trang trại, do vậy cuộc sống đã có những thay đổi đáng kể. Một số nghề thủ công khá phát triển như rèn đúc, làm giấy, mộc, đan lát,... Trong đó nghề rèn tương đối phát triển với sản phẩm làm ra đa dạng như con dao, cái rìu, lưỡi cày,... phục vụ cho nhu cầu sản xuất của đồng bào.

Nhà ở

Người Mông định cư theo dòng họ. Mỗi dòng họ thường ở theo một cụm và dựng nhà san sát nhau ở lưng chừng núi. Hầu hết những ngôi nhà ở đây đều có kiến trúc rất giống nhau, bởi vậy khi mới bước chân vào đây, người ta rất khó phân biệt được nhà người này, người khác. Đó chính là kinh nghiệm quần cư để giúp đỡ nhau của những người trong cùng dòng họ mỗi khi có kẻ thù hay thú dữ đến phá hoại. Kiến trúc ngôi nhà người Mông dù to hay nhỏ nhưng đều phải có đủ 3 gian được sắp xếp theo thứ tự gian đầu, gian giữa và gian cuối. Các tấm lợp và mái nhà hầu hết được sử dụng bằng loại gỗ có dầu như sa mu, pơ mu nhằm giữ nhiệt. Đây chính là nét đặc trưng dễ nhận biết nhất mỗi khi đặt chân đến bản làng người Mông. Gỗ sa mu, pơ mu vừa giúp họ vượt qua được cái lạnh mùa đông và mát mẻ vào mùa hè nóng nực, đồng thời vừa sử dụng được hàng chục năm trời. Ta dễ dàng bắt gặp những ngôi nhà lợp bằng mái sa mu của người Mông đã lên rêu mốc, ván gỗ cong vênh lên nhưng còn rất chắc chắn. Ngày nay, những gia đình có kinh tế khá giả đã xây những ngôi nhà kiên cố như nhà trần, ống, hay những nhà cấp bốn. Trong nhà cũng được bài trí theo lối hiện đại và nhiều nội thất đắt tiền khác.

Trang phục

Trang phục là yếu tố nổi bật trong đời sống văn hóa vật thể của đồng bào Mông ở Nghệ An. Với người phụ nữ Mông, trước khi đi làm dâu, người mẹ tặng con gái bộ váy áo coi như của hồi môn. Khi về nhà chồng rồi, cô gái lại thêu dệt váy áo để tặng mẹ đẻ và mẹ chồng. Người ta quan niệm, người phụ nữ giàu có là người có nhiều váy áo đẹp và nhiều trang sức, chính vì vậy mà trang phục của phụ nữ dân tộc Mông luôn rất sặc sỡ, độc đáo khác thường. Để làm được một bộ trang phục hoàn chỉnh, các bà, các mẹ, các chị mất rất nhiều thời gian và công sức. Bộ quần áo của phụ nữ dân tộc Mông gồm có khăn quấn đầu, khăn len (cũng là khăn đội đầu) được dệt bằng tay; váy, yếm được thêu bằng tay. Các hoa văn, họa tiết trên trang phục của người Mông thiên về màu sắc. Đó là sự phối kết hợp giữa các màu nóng, tạo cảm giác nổi bật, ấn tượng. Không quá chú trọng đến họa tiết, hoa văn, váy áo của người Mông được chú trọng ở việc phối màu cũng như việc thay đổi chất liệu bằng các mảng trơn (ghép vải), mảng nổi (thêu) hay các chi tiết khiến cho nghệ thuật trang trí trên trang phục của người Mông độc đáo và khác biệt so với một số các dân tộc khác. Bộ trang phục được đính những hạt cườm rất cầu kỳ, tỉ mỉ. Chính bởi sự tỉ mỉ trong từng công đoạn may, thêu nên để hoàn thành một bộ trang phục nữ của người Mông sẽ mất khá nhiều thời gian. Riêng may phần thô, một bộ quần áo đã mất 2 - 3 ngày, còn phần thêu thì tới 2 tuần. Bộ nào cầu kỳ thì mất tới cả tháng trời. Chính vì lẽ đó, giá của một bộ trang phục của phụ nữ đồng bào Mông cũng không hề nhỏ. Có những bộ váy của phụ nữ người Mông có giá hơn 30 triệu đồng.

Cưới hỏi

Lễ cưới của người Mông là một trong những nghi thức quan trọng nhất của đời con người. Lễ cưới của đồng bào ở đây có tục bắt dâu. Người con trai có quyền ngắm cô gái nào mình thấy thích rồi bắt về làm vợ. Sau khi đã bắt về nhà mình, người con trai mời một ông mối sang nhà gái để xin phép. Sau đó, thông qua ông mối, nhà trai thống nhất lễ vật đám cưới. Lễ vật được đưa sang đúng ngày cưới thường gồm: Tiền, thịt lợn, 20 lít rượu, 7 con gà (2 con ăn dọc đường, 1 con giao cho nhà gái cúng tổ tiên, 4 con làm lễ vía cô dâu và chú rể), thuốc lá, một chiếc khăn. Trong trường hợp cô gái phản đối thì *cướp* để buộc cô gái phải lấy (thường xảy ra ở những chàng trai nhà giàu) và nhà trai phải trả tiền đền danh dự cho nhà gái. Ngày nay, tục lệ này không còn phổ biến. Trai gái lấy nhau phải được sự đồng ý của nhau theo pháp luật của nhà nước. Trước đây, cũng vì hôn lễ diễn ra theo lối áp đặt, cưỡng bức khiến cho nhiều cô gái Mông đã phải ăn lá ngón, lấy cái chết để giải thoát cho mình.

Tang ma

Khi trong gia đình có người tắt thở, bước đầu tiên người ta thông báo cho anh em họ hàng và làng xóm biết. Việc làm tiếp theo là thổi khèn bàn Kênh tu xia (bài tắt thở). Sở dĩ người ta thổi kèn đầu tiên là bởi vì tiếng khèn, theo quan niệm của người Mông, là một ngôn ngữ thứ hai, kết nối những điều bày tỏ và có thể nói được với người chết. Nó cũng được coi như tín hiệu thông báo với tổ tiên của người Mông biết rằng trong gia đình, dòng họ và buôn làng có ai đó vừa qua đời, trở về với họ. Vậy nên khèn có vai trò đặc biệt quan trọng trong tang lễ của người Mông. Theo phong tục, ngoài những người trong gia đình thì sự có mặt của người cậu ruột (em mẹ) hay người cô (em bố) giữ vai trò quyết định trong quá trình cử hành tang lễ của người Mông. Họ là những người quyết định mổ trâu hoặc bò để chia tang, hoặc chia của cho người chết - giúp cho linh hồn người chết nhận được những của chia.

Tang lễ thường tổ chức trong ba ngày. Quan tài của người chết sẽ được đặt dọc theo ngôi nhà. Sáng hôm cử hành mai táng, người ta mổ lợn, gà, trâu, bò và làm cỗ rất to để tiễn ma. Mười ba ngày sau, người ta tổ chức lễ gần như ngày giỗ. Lễ này được lặp lại sau ba tháng hoặc một năm sau rồi chấm dứt. Sau đó chỉ vào ngày tết họ mới đi thăm viếng mộ người quá cố.

Tổ chức xã hội

Tổ chức xã hội của người Mông theo mô hình làng bản. Các gia đình thường sống gần nhau, quây tụ khoảng từ vài ba chục nóc nhà thì lập thành làng. Đứng đầu làng là trưởng làng, người điều hành mọi công việc trong làng. Bên cạnh vai trò của trưởng làng thì trưởng họ đối với người Mông cũng rất quan trọng vì trong xã hội của người Mông mối quan hệ truyền thống là các dòng họ. Những gia đình cùng dòng họ thường quần tụ, sống gần nhau tạo thành làng, thành bản và người trưởng họ được mọi người tín nhiệm, tuân theo vì theo đồng bào họ là người *cầm quyền ma, quyền khách*; ông sẽ là người đứng ra giải quyết những mâu thuẫn, những xung đột hay những chuyện hệ trọng xảy ra trong các gia đình, trong dòng họ của mình. Mỗi thành viên trong dòng họ có ý thức phục thù cho dòng họ mỗi khi dòng họ bị thua thiệt hoặc bị xúc phạm. Người Mông có *cái lý* của người Mông vừa biểu hiện yếu tố thẳng thắn, trung thực những có lúc cũng thể hiện năng lực ngụy biện cực đoan khá rõ.

Đời sống tinh thần

Người Mông ở Nghệ An quan niệm có rất nhiều loại ma: Ma trâu (Nhìu dáng), ma nhà (Xử ca), ma cửa (Xìa mình), ma lợn (Bùa dáng), ma bếp (Hú sinh), ma lò (Khơ trù) v.v... Một điều đặc biệt đáng lưu ý là người Mông không phân chia các loại ma theo thứ bậc mà quan niệm các loại ma đều bình đẳng. Sự quan trọng của các ma phụ thuộc vào thời điểm mà con người cần. Đồng bào quan niệm mọi vật đều có hồn (Pli). Người chết hồn lìa khỏi xác và biến thành ma. Người ta có 3 hồn: 1 hồn ở đỉnh đầu, 2 hồn ở tay; có lẽ vì vậy nên người ta kiêng xoa đầu trẻ em và kiêng trẻ em vỗ tay vì sợ hồn đi mất. Tuy nhiên, trong đời sống tín ngưỡng người Mông đặc biệt chú trọng lễ cúng ma làng (đa zồng), là thần bản mệnh của làng, người phù hộ độ trì cho dân làng mạnh khỏe, tránh bệnh tật, mùa màng bội thu, làm ăn phát đạt,... Vì thế, vào tháng giêng hàng năm, đồng bào tổ chức lễ cúng ma làng linh đình, đông vui.

Với nền văn hóa độc đáo, đậm đà bản sắc, dân tộc Mông có nền văn hóa nghệ thuật khá giàu có, đặc biệt là kho tàng truyện cổ dân gian rất phong phú thể hiện thái độ và tình cảm của đồng bào đối với thiên nhiên, đất nước, con người, với truyền thống đấu tranh của dân tộc, ca ngợi nền giáo dục truyền thống... Nổi bật trong kho tàng truyện kể của đồng bào là tác phẩm *Tiếng khèn của Gia Ba Sử*, *Vừ Lin Thoong và Lỳ Ta Xa, Truyện Vừ Lông Pốc*,... Kho tàng dân ca của họ cũng rất đặc sắc bao gồm nhiều loại: Loại kể chuyện cổ tích, loại kể chuyện tình yêu trai gái, loại giáo dục chàng rể cô dâu mới, loại dùng để cúng ma... Đồng bào có thể kể chuyện bằng văn vần hoặc hát (khúa kê) hoặc thể hiện bằng nhạc cụ dân tộc như khèn, kèn lá, đàn môi hoặc sáo. Nam nữ thanh niên Mông yêu đời lạc quan. Ở bản làng của họ đêm đêm tiếng khèn, tiếng đàn môi, kèn lá vang động cả núi rừng. Trai gái Mông tìm hiểu nhau qua những tiết tấu, nhịp điệu các loại nhạc cụ hết sức độc đáo của họ như: Tra kênh (khèn bè), Trà plải (một loại sáo ngang), Lìa dầu (một loại sáo dọc), Trà đà (đàn môi - nhạc cụ tự thân vang), Trà kò (nhị - nhạc cụ dây, chi cung kéo)... Âm nhạc của người Mông cũng khá phát triển với các điệu hát nổi tiếng, đóng dấu như là *thương hiệu* riêng của họ như là: điệu cử xia, lù tẩu, vàng hủa, lệ lệ lệ tù lệ, xến, xằng lề... là những câu hát mang đầy tâm tình được thổ lộ của các cặp trai gái trong những đêm trăng.

Trong bức tranh màu sắc của các đồng bào dân tộc thiểu số ở Nghệ An có sự hòa quyện của ngôn ngữ đa dạng, tính cách đặc trưng của mỗi tộc người. Đi cùng với bản sắc văn hóa không thể hòa lẫn, thì mảng màu của đồng bào dân tộc Mông lại nổi lên như một sắc đơn rực rỡ, càng làm cho bức tranh văn hóa cư dân các dân tộc Nghệ An thêm sinh động và hấp dẫn. Văn hóa của người Mông ở Nghệ An hiện nay là sự đan xen giữa văn hóa truyền thống với văn hóa hiện đại. Những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống được lưu giữ, bảo tồn không chỉ bám rễ trong sinh hoạt văn hóa truyền thống mà còn ảnh hưởng, thâm nhập vào đời sống văn hóa mới, tạo nên sự phong phú, bổ ích cho sinh hoạt văn hóa hiện nay của đồng bào. Bản sắc văn hoá độc đáo của họ đã đóng góp và làm phong phú cho nền văn hoá Việt Nam.

**Tài liệu tham khảo**

1. Hoàng Xuân Lương, *Văn hóa người Mông ở Nghệ An*, NXB Văn hóa Dân tộc.

2. Nguyễn Đình Lộc, *Các dân tộc thiểu số ở Nghệ An*, NXB Nghệ An,1993.

3. Hoàng Nam - Cừ Hòa Vần, *Dân tộc Mông ở Việt Nam*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 1994.

4. Các hiện vật của người Mông trưng bày tại Bảo tàng tỉnh Nghệ An...